

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 30 - 10 - 2024.

V/v: “ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp “kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: tổ 8, thị trấn YT, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

* **Bị đơn:** Anh Đào Duy T1, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ dân phố BL 1, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa vắng mặt chị T có lý do, anh T1 vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai, các tài liệu chứng cứ được T thập trong hồ sơ vụ án chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đào Duy T1 lấy nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện LN, tỉnh Hà Nam sau thời gian tìm hiểu nhau được 01 năm. Việc kết hôn cũng được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương hai bên trước đó. Sau ngày cưới, vợ chồng chị chung sống tại Bảo Lộc 1, Thanh Châu. Quá trình chung sống, vợ chồng chị cũng có thời gian hoà thuận được trong thời gian mấy năm đầu sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chị thường xuyên bất đồng về cách sống, quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế xây dựng gia đình. Mâu thuẫn của vợ chồng chị kéo dài không thể khắc phục được nên vợ chồng chị đã từng làm đơn giải quyết ly hôn từ năm 2019 nhưng sau đó vợ chồng chị đã suy nghĩ lại và không đề nghị giải quyết. Tuy nhiên, sau thời gian đó chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn Yên Thế, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái sinh sống cho đến nay nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng chị không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa và chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó. Nay chị

xác định tình cảm dành cho anh T1 không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Duy T1.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Đào Yên N, sinh ngày 19/4/2009 (con gái) và cháu Đào Duy P, sinh ngày 04/11/2012 (con trai) do chị đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Do hiện nay cả 02 con chung của chị đang sinh sống, học tập tại thị trấn YT, huyện L.Y, tỉnh Yên Bái và bản thân chị cũng có đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc cho các con chung nên chị không muốn ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định của các con chị. Vì vậy, khi ly hôn chị xin nuôi dưỡng cả 02 con chung và chị không đề nghị anh Đào Duy T1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đào Duy T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của anh Đào Duy T1.

* Nguyên vọng của cháu Đào Yên N: Cháu đang học lớp 10 tại huyện L.Y, tỉnh Yên Bái và mẹ cháu đang nuôi cháu. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ cháu là Lê Thị T.

* Nguyên vọng của cháu Đào Duy P: Cháu đang học lớp 7 tại thị trấn YT, huyện L.Y, tỉnh Yên Bái và mẹ cháu đang nuôi cháu. Khi bố mẹ cháu ly hôn, cháu muốn ở với mẹ cháu là Lê Thị T.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường Thanh Châu: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng chị T, anh T1 theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể bị đơn không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, hòa giải, tại các phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51; 56; 58; 81; 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị T và anh Đào Duy T1.

- Về con chung: Giao cả 02 con chung là cháu Đào Yến N, Đào Duy P cho chị Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng và anh Đào Duy T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T.

- Về án phí ly hôn: Chị Lê Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đào Duy T1 có nơi cư trú tại địa chỉ: tổ dân phố BL 1, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Lê Thị T và anh Đào Duy T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đào Duy T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng trước đó anh cũng đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 11/10/2024 không có lý do nên việc xét xử vắng mặt chị Lê Thị T, anh Đào Duy T1 tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại các Điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Đào Duy T1 lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã CL, huyện LN, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị cũng có thời gian mấy năm đầu hòa thuận nhưng sau đó đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là hai bên bất đồng về quan điểm sống, cách sống và không thể có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ anh T1 nhiều lần để tham gia các buổi làm việc, các phiên họp hoà giải tại Tòa án nhưng anh T1 đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh T1 vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó, chứng tỏ anh T1 không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Yến N, sinh ngày 19/4/2009 (con gái) và cháu Đào Duy P, sinh ngày 04/11/2012 (con trai) do chị T đang nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét quan điểm của chị Lê Thị T và điều kiện thực tế hiện nay cả 02 con chung của anh chị đang ở ổn định với chị T, các cháu học tập phát triển ổn định và nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với chị T. Do đó, cần giao cho chị Lê Thị T nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Đào Yến N và cháu Đào Duy P.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, nên anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Đào Duy T1.

[2] Về con chung: Giao chị Lê Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là cháu Đào Yến N, sinh ngày 19/4/2009 (con gái) và cháu Đào Duy P, sinh ngày 04/11/2012 (con trai) cho đến khi các cháu Đào Yến N, Đào Duy P trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh Đào Duy T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng, chị T được đối trừ với 300.000đ mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000408 ngày 27/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên